

Phụ lục 01

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT DỊCH TUẦN 38 NĂM 2025

(Từ ngày 17/9 đến hết ngày 23/9/2025)

TT	Khu vực		Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		Số phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
1	Chư Păh	<i>a</i>	4	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	40	0	6	0	0	0	97	1
2	Chư Prông	<i>a</i>	20	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	328	0	25	0	0	0	379	0
3	Chư Puh	<i>a</i>	4	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	65	0	5	0	0	0	167	0
4	Chư Sê	<i>a</i>	23	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	131	0	12	0	0	0	756	0
5	Đăk Đoa	<i>a</i>	9	0	3	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	132	0	18	0	0	0	464	0
6	Đăk Pơ	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	10	0	7	0	0	0	44	0
7	Đức Cơ	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	6	0	10	0	0	0	98	0
8	Ia Grai	<i>a</i>	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	73	0	7	0	0	0	111	0
9	Ia Pa	<i>a</i>	0	0	1	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	11	0	2	0	0	0	120	0
10	Kbang	<i>a</i>	1	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	11	0	15	0	0	0	140	0
11	Kông Chro	<i>a</i>	2	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	10	0	3	0	0	0	29	0
12	Krông Pa	<i>a</i>	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	46	0	5	0	0	0	321	0
13	Mang Yang	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	7	0	8	0	0	0	95	0
14	Phú Thiện	<i>a</i>	13	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	197	0	8	0	0	0	303	0
15	Đăk Lăk	<i>a</i>	30	0	3	0	0	0	0	0

TT	Khu vực		Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		Số phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
15	Trên khu	b	295	0	46	0	0	0	328	0
16	An Khê	a	0	0	1	0	0	0	0	0
		b	27	0	33	0	0	0	7	0
17	Ayun Pa	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	34	0	5	0	0	0	53	0
18	Quy Nhơn	a	3	0	4	0	0	0	0	0
		b	132	0	65	0	0	0	263	0
19	Tuy Phước	a	2	0	5	0	0	0	0	0
		b	117	0	64	0	0	0	50	0
20	An Nhơn	a	3	0	2	0	0	0	0	0
		b	122	0	38	0	0	0	47	0
21	Phù Cát	a	3	0	2	0	0	0	0	0
		b	77	0	21	0	0	0	50	0
22	Phù Mỹ	a	8	0	1	0	0	0	0	0
		b	128	0	18	0	0	0	31	0
23	Hoài Nhơn	a	2	0	1	0	0	0	0	0
		b	157	0	58	0	0	0	10	0
24	Hoài Ân	a	5	0	1	0	0	0	0	0
		b	53	0	27	0	0	0	20	0
25	Tây Sơn	a	3	0	0	0	0	0	0	0
		b	83	0	22	0	0	0	25	0
26	Vân Canh	a	0	0	1	0	0	0	0	0
		b	12	0	35	0	0	0	3	0
27	An Lão	a	5	0	0	0	0	0	0	0
		b	30	0	4	0	0	0	1	0
28	Vĩnh Thạnh	a	4	0	1	0	0	0	0	0
		b	37	0	10	0	0	0	35	0
	Ngoại lai	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	86	0
	Toàn tỉnh	a	150	0	26	0	0	0	0	0
		b	2,371	0	577	0	0	0	4,133	1

(*): **a** là số mắc tuần này; **b** là số mắc cộng dồn từ đầu năm.

Phụ lục 02

TÌNH HÌNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 38 NĂM 2025

(Từ ngày 17/9 đến hết ngày 23/9/2025)

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tổng cộng	BV trung tâm GL	Bồng Sơn	YHCT QNhon	Lao QNhon	Tâm thần QNhon	Mắt Gia Lai	Quy Nhon	Tuy Phước	An Nhơn	Phù Cát
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	9,426	1,600	480	240	140	160	100	350	200	350	220
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	72,475	8,394	4,894	245	253	940	1,783	4	2,109	3,092	3,001
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	59,972	6,346	4,457	201	87	823	753	4	2,047	2,950	2,778
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	4,602	317	520	245	-	-	-	246	98	47	209
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	11,929	1,215	597	5	2	35	182	402	217	382	249
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	21,655	2,664	1,871	104	105	162	862	1	971	1,334	1,257
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	2,502	117	184	-	-	-	21	32	76	185	130
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		463	114	131	-	-	-	18	-	-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	1,950	2	53	-	-	-	3	32	76	185	130
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	11,051	1,741	651	496	59	64	343	383	290	395	238
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	10,340	1,679	627	478	57	59	308	375	287	376	236
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	1,313	290	32	496	-	61	-	20	72	43	56
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	2,319	272	105	8	-	4	-	90	25	92	45
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	4,406	1,398	202	231	37	13	378	107	129	132	113
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	429	57	20	1	1	2	3	6	4	29	9
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		94	40	4		-	-	3	-	-	-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	323	5	16	1	1	2	-	6	4	29	9
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	61,785	12,478	3,634	2,301	629	1,184	444	2	866	2,070	1,569
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	10,227	1,741	635	192	61	58	343	3	137	302	238
6.1	Số điều trị khỏi	"	4,233	719	386	-	10	-	308	141	30	105	83
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	5,589	859	214	178	49	56	32	201	102	168	139
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	510	133	16	13	-	-	1	8	2	13	7
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	236	29	19	1	2	2	4	6	3	16	9
6.5	Số tử vong	"	5	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	34,624	6,146	4,059	93	194	880	1,384	3	1,923	2,216	2,567
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	984	170	30	21	-	4	2	17	-	4	22
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	253,663	30,730	24,354	683	1,358	24,640	6,920	43	25,923	28,164	35,953
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	8,389	3,630	180	237	-	112	10	180	-	45	146
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	221,372	123,425	7,642	371	797	540	916	6	1,254	3,112	1,168
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	134,160	94,084	3,974	350	465	518	916	3	524	1,300	461
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	13,503	1,633	1,188	43	226	29	69	949	600	436	339
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	3,936	1,129	331	30	70	23	15	207	93	99	50
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	2,569	1,025	238	-	12	-	-	60	-	24	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	1,445	829	156	-	11	-	-	45	-	22	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	19,231	2,529	1,096	26	22	22	287	764	261	572	397
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	5,873	1,570	380	22	19	21	269	241	49	160	145
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	6,575	1,034	595	54	21	153	-	385	109	333	333
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	2,816	798	295	53	14	99	-	144	48	191	148

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Phù Mỹ	Hoài Ân (*)	Hoài Nhơn	Tây Sơn	Vân Canh	An Lão	Vĩnh Thạnh	Hoà Bình (*)	Bình Định	Thu Phúc	Mất SG-Quy Nhơn	BVDK GL
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	180	160	180	250	60	60	130	90	335	55	21	1,000
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	2,108		1,479	2,093	468	781	967		3,871	571	583	5,003
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	1,830		1,458	1,926	425	399	924		2,167	535	514	4,585
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	150		126	234	67	11	10		10	11	-	98
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	177		171	128	57	357	104		644	64	56	51
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	894		620	965	131	155	294		415	163	342	2,241
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	208		93	105	14	31	61		9	3	-	99
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-		-	-	-		-		-		-	76
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	208		93	105	14	31	61		9	3	-	23
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	204		198	309	55	46	122		335	8	124	715
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	196		192	296	53	46	117		295	6	124	633
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	35		34	24	6	5	5		-		-	15
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	39		11	7	4	2	24		98	2	-	12
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	76		80	152	11	18	61		39	1	108	186
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	45		11	14	6	8	19		13		-	23
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-		-	-	-		-		-		-	17
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	45		11	14	6	8	19		13		-	6
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	2,052		887	1,044	218	92	768		1,469	21	124	6,781
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	250		73	170	45	40	115		327	6	124	911
6.1	Số điều trị khỏi	"	120		45	73	12	14	27		175	3	124	28
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	83		17	78	27	17	68		146	3	-	783
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	7		9	4	-	8	3		6		-	76
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	40		2	15	6	1	17		-		-	22
6.5	Số tử vong	"	-		-	-	-	-	-		-		-	2
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-		-	-	-		-		-		-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	1,904		24	1,793	352	315	765		2,262	560	459	1,701
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-		24	25	-	18	9		16	15	-	161
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	9,520		72	8,965	2,464	4,562	74		30,084	7,607	459	3,343
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-		72	226	-	114	9		67	55	-	1,803
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	2,780		2,039	849	326	514	1,084		11,882	1,028	448	6,609
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	644		679	184	75	106	369		3,601	11	448	4,824
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	242		311	313	94	85	73		790	68	-	609
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	40		52	59	26	11	28		147		-	204
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-		-	12	57		-		252	8	-	249
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-		-	7	13		-		59		-	126
12	Tổng số siêu âm	Lượt	316		359	181	16	44	117		2,030	192	5	914
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	88		83	42	7	7	44		363	2	5	434
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	339		207	113	13	11	60		575	45	15	154
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	113		93	41	1	6	32		117		15	30

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Nhi GL	YDCT Pleiku	Lao & BP Pleiku	Tâm TK Pleiku	331	Chư Păh	Chư Prông	Chư Puh	Chư Sê	Đak Đoa	Đak Pơ (*)	Đức Cơ
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	350	130	70	80	120	75	65	50	130	105	50	90
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1,555	161	55	399	695	445	649	471	2,289	727	287	960
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	1,109	152	38	365	647	413	618	464	2,192	710	280	913
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	-	161	-	-	-	34	258	-	322	108	2	438
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	1,525	2	1	22	48	83	147	71	549	142	88	221
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	-	71	20	54	78	119	165	90	553	208	82	165
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	26	2	2	-	2	52	52	68	104	94	9	130
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		24	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	1	2	1	-	2	52	52	68	104	94	9	130
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	464	44	53	78	78	87	91	70	212	107	62	116
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	397	44	52	73	73	82	80	63	202	63	62	106
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	-	44	-	-	-	3	13	-	-	20	2	-
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	454	1	4	2	15	31	29	32	110	24	39	72
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	-	19	14	4	27	8	11	4	32	11	13	9
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	5	1	7	-	-	3	5	5	14	4	-	27
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		4	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	1	1	2	-	-	3	5	5	14	4	-	27
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	2,559	2,223	357	659	696	548	442	245	1,039	515	279	631
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	382	191	22	19	141	93	72	65	210	103	62	85
6.1	Số điều trị khỏi	"	276	1	-	-	22	44	56	55	-	68	42	2
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	92	161	20	19	111	46	9	9	195	32	20	83
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	3	28	-	-	8	-	3	4	10	3	-	-
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	10	1	2	-	2	3	4	1	5	-	-	-
6.5	Số tử vong	"	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	-	117	34	235	585	52	6	-	13	26	12	18
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-	29	-	-	62	52	6	-	13	5	12	18
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	-	307	310	-	665	78	-	-	104	135	84	381
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-	307	-	-	80	78	-	-	104	25	84	381
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	2,654	156	532	29	830	137	458	626	1,027	725	457	434
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	2,209	145	429	16	198	51	192	51	397	107	30	101
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	428	46	48	1	-	73	54	147	217	171	37	64
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	316	44	23	1	-	17	10	15	23	40	2	9
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	30	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	24	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	336	2	13	7	215	110	104	75	430	174	63	139
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	153	2	10	7	68	25	24	14	57	17	3	30
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	5	16	17	-	48	4	6	-	80	6	15	14
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	2	16	17	-	13	2	1	-	14	5	1	6

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Ia Grai	Ia Pa	KBang	Kông Chro	Krông Pa	Mang Yang	Phú Thiện (*)	TX An Khê	TX Ayun Pa	TP Pleiku	Hoàng Anh GL (*)	Hùng Vương GL
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	70	65	110	65	95	75	85	160	180	140	200	300
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	573	521	839	97	1,489	682		920	1,160	2,472	4,794	4,462
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	545	463	667	77	1,393	584		823	1,054	2,384	2,078	4,019
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	271	61	50	-	-	6		21	16	316	-	139
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	76	114	142	24	413	108		157	255	279	959	933
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	135	83	239	22	226	156		286	358	829	738	623
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	50	19	19	4	178	106		30	15	87	20	8
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	79	-		-	-	-	15	5
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	50	19	19	4	99	106		30	15	-	5	3
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	78	50	152	35	138	130		158	177	187	541	487
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	70	45	142	34	126	123		149	172	179	471	430
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD	"	9	2	1	-	-	5		-	5	6	-	9
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	21	18	38	11	30	48		41	53	39	166	140
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	11	7	27	3	16	20		35	27	16	92	75
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	3	3	10	7	19	12		2	5	4	8	7
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	9	-		-	-	-	7	4
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	3	3	10	7	10	12		2	5	4	1	3
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	355	273	743	201	556	562		990	1,736	753	2,905	2,312
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	74	74	160	46	173	130		290	280	132	540	444
6.1	Số điều trị khỏi	"	46	30	95	17	101	93		71	53	27	5	238
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	25	41	50	29	48	27		205	166	102	519	197
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	3	3	14	-	21	10		11	46	3	14	4
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	-	-	1	-	1	-		3	3	-	2	3
6.5	Số tử vong	"	-	-	-	-	1	-		-	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-		-	1	-		-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	3	8	4	-	881	25		7	4	2,297	232	465
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	3	8	4	-	7	25		7	4	14	72	105
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	21	180	150	68	4,405	100		31	62	114	85	465
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-	21	15	5	-	100		8	4	114	72	105
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	322	383	985	7	421	476		737	1,240	1,318	16,610	19,304
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	104	95	176	2	139	110		150	292	88	4,184	7,669
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	76	98	163	-	196	113		206	108	286	1,186	1,531
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	14	13	29	-	5	10		29	11	11	191	460
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-	-	-	-	-		26	10	-	139	424
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	-	-	-	-	-		9	3	-	17	121
12	Tổng số siêu âm	Lượt	51	106	102	17	204	75		155	209	228	2,581	2,932
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	12	7	21	8	28	16		28	26	20	325	516
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	2	3	12	-	5	9		49	9	8	933	710
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	2	3	8	-	3	1		30	7	2	87	288

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Mắt CN	Mắt SG-GL	CS Chư Păh	CS Chư Sê	CS Chư Prông
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	50	10	30	50	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	988	834	257	291	764
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	682	800	257	286	750
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	-	-	-	-	-
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	208	41	8	44	174
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	205	262	34	90	213
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	-	-	2	16	39
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	-	-	2	16	39
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	66	426	15	58	115
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	59	426	15	55	107
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHD</i>	"	-	-	-	-	-
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	3	1	-	19	38
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	24	389	6	18	16
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	1	-	-	1	5
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		1	-	-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	-	-	-	1	5
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	189	430	76	308	570
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	68	426	5	43	126
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	39	418	5	-	26
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	25	4	-	42	92
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	3	4	-	1	8
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	1	-	-	-	-
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	-	-	-	-	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	-	-	-	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	-	-	-	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	413	2,922	193	268	918
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	413	2,916	8	114	238
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	-	-	-	45	112
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	-	-	-	23	26
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	-	-	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	145	408	15	69	116
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	30	405	2	29	39
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	57	7	-	-	11
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	57	7	-	-	6

(*): Đơn vị không báo cáo